

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2020/DSST

Ngày 03 - 12 - 2020

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hồng Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Ngọc Song

2. Ông Dương Văn Đến

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thòn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 16/11/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đông Á

Địa chỉ: Số 130 Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Ngọc D – Giám đốc Phòng giao dịch chợ Trà Vinh (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 31 Phạm Thái Bường, phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Trầm Thị T, sinh năm 1982 và bà Trầm Thị M, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thanh Nguyên B, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 8 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin giải quyết vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc D trình bày: Ngày 12/12/2019 Ngân hàng Th mại cổ phần Đông Á (viết tắt là Ngân hàng) có hợp đồng tín dụng số 0171961001T19010 với bà Trầm Thị T (bà Trầm Thị M là người đứng ra bảo lãnh khoản vay của bà Trầm Thị T), số tiền vay 20.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 10,0%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay vốn là sản xuất kinh doanh.

Trong quá trình vay bà Trầm Thị T đã trả vốn và lãi đến ngày 12/8/2020 số tiền vốn là 6.259.078 đồng và tiền lãi là 1.076.922 đồng, tổng cộng là 7.336.000 đồng. Do bà Trầm Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 12/5/2020 Ngân hàng chuyển sang nợ vay quá hạn. Tính đến ngày 03/12/2020, bà Trầm Thị T còn nợ số tiền vốn 13.740.922 đồng, lãi trong hạn 923.078 đồng, lãi quá hạn 558.010 đồng. Tổng cộng số tiền là: 15.222.010 đồng.

Bà Trần Thị Ngọc D đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Th mại cổ phần Đông Á yêu cầu bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M trả số tiền vốn 13.740.922 đồng, lãi trong hạn 923.078 đồng, lãi quá hạn 558.010 đồng. Tổng cộng số tiền là: 15.222.010 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0171961001T19010 kể từ ngày 04/12/2020 cho đến khi thanh toán xong hết các khoản nợ.

- Bị đơn bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo và triệu tập bà Th và bà M tham gia tố tụng nhưng bà Th và bà M không có mặt cũng không có lời khai cung cấp cho Tòa án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện theo các quy định tại các Điều 26, 68, 70, 71, 72 177, 196, 203, 208 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th mại cổ phần Đông Á.

Buộc Trầm Thị T và bà Trầm Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Th mại cổ phần Đông Á số tiền 15.032.193 đồng (Trong đó vốn: 13.740.922 đồng, lãi trong hạn 923.078 đồng, lãi quá hạn 368.139 đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/10/2020) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/10/2020 và lãi suất phát theo hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán xong cho ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00951970 – 0171961001T19010 ngày 12 tháng 12 năm 2019, bị đơn cư trú tại ấp Thanh Nguyên B, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng : Đối với bị đơn bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M, sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M. Tuy nhiên, qua xác minh chính quyền địa phương thì bà Th và bà M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Thanh Nguyên B, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nhưng bà Th và bà M đã bỏ địa phương đi từ khoảng vài năm trở lại đây, không ai biết địa chỉ ở đâu. Do bà Th và bà M vắng mặt tại nơi cư trú; không rõ địa chỉ nơi cư trú mới nên Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt có xác nhận của chính quyền địa phương và thực hiện thủ tục niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào hợp đồng cho vay số 00951970 – 0171961001T19010 ngày 12 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng khởi kiện bà Th và bà M đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà Th và bà M theo hợp đồng cho vay, nhưng do bà Th và bà M thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết nơi cư trú mới thì được coi như bà Th và bà M cố tình giấu địa chỉ nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng số 0171961001T19010 ngày 12 tháng 12 năm 2019 ký kết giữa Ngân hàng với bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng được quy định tại Điều 116, 117, 119 của Bộ luật Dân sự nên hợp đồng trên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

[4] Về quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã thực hiện việc giải ngân theo cam kết cho bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M số tiền 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Th và bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo kỳ hạn đã cam kết, từ khi vay đến ngày 12/8/2020 số tiền vốn là 6.259.078 đồng và tiền lãi là 1.076.922 đồng, tổng cộng là 7.336.000 đồng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà Th và bà M trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/12/2020) số nợ gốc là 13.740.922 đồng, lãi trong hạn 923.078 đồng, lãi quá hạn 558.010 đồng, tổng cộng số tiền là: 15.222.010 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về mức lãi suất mà bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M phải trả cho Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/12/2020), bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quá hạn mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 00951970 – 0171961001T19010 ngày 12 tháng 12 năm 2019.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 72, 147, 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều khoản 3 Điều 40, 116, 117, 119, khoản 2 Điều 277, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th mại cổ phần Đông Á.

Buộc bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M trả cho Ngân hàng Th mại cổ phần Đông Á tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/12/2020) là 15.222.010 đồng (Trong đó: tiền nợ gốc 13.740.922 đồng, lãi trong hạn 923.078 đồng, lãi quá hạn 558.010 đồng).

Kể từ ngày 04/12/2020, bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quá hạn mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 0171961001T19010 ngày 12 tháng 12 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Về án phí: Buộc bà Trầm Thị T và bà Trầm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 761.000 đồng.

Ngân hàng Th mại cổ phần Đông Á không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Th mại cổ phần Đông Á số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 369.000 đồng, theo biên lai số 0001346 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Hồng Nhân